

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA BỎNG

STT	Mã dịch vụ kỹ thuật	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân loại kỹ thuật
		A. ĐIỀU TRỊ BỎNG	
		1. Thay băng bông	
1	2030.11.2	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40% - 60% diện tích cơ thể ở người lớn	T2
2	2030.11.3	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở người lớn	T2
3	2030.11.4	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
4	2030.11.5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
5	2030.11.8	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em	T2
6	2030.11.9	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
7	2030.11.10	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
8	2030.11.11	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bỏng sâu	T3
9	2030.11.12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	T3
10	2030.11.13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông	T3
		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bỏng	
11	2030.11.15	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	T3
12	2030.11.16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	T3
13	2030.11.18	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	T2
14	2030.11.19	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
15	2030.11.22	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
16	2030.11.24	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	T2
17	2030.11.25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	T3
18	2030.11.28	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	T3
19	2030.11.67	Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	T2
		3. Các kỹ thuật khác	
20	2030.11.77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	T3
21	2030.11.79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	T3
22	2030.11.80	xử lý tại chỗ kiết đầu tổn thương bỏng	T3
23	2030.11.81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	T3
24	2030.11.82	Sơ cấp cứu bỏng acid	T3
25	2030.11.83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	T3
26	2030.11.84	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	T3
27	2030.11.85	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp	T3
28	2030.11.86	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa	T3
29	2030.11.87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	T3
30	2030.11.88	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng	T2
31	2030.11.89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	T3
32	2030.11.90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng	T3
33	2030.11.91	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng	T2
34	2030.11.95	Sử dụng giường khí hóa lỏng điều trị bệnh nhân bỏng nặng	T2
35	2030.11.96	Sử dụng giường đệm tuần hoàn khí điều trị bệnh nhân bỏng nặng	T2
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG	
36	2030.11.102	Khám di chứng bỏng	T3
37	2030.11.103	Cắt sẹo khâu kín	T3
		C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH	
38	2030.11.116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	T3
39	2030.11.120	Điều trị vết thương chậm liền bằng laser he-ne	T3
		D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BỎNG	
40	2030.11.122	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bỏng	T3
41	2030.11.123	Tắm phục hồi chức năng sau bỏng	T3
42	2030.11.127	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo - massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo	T2

43	2030.11.128	Tập vận động phục hồi chức năng sau bỏng	T3
44	2030.11.129	Sử dụng gel silicol điều trị sẹo bỏng	T3
45	2030.11.130	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	T3
46	2030.11.131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng	T3